

BÁO CÁO
**Kết quả giám sát việc thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước
trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã Đắk Ui¹**

Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025²; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026³ của Hội đồng nhân dân xã Đắk Ui và Kế hoạch số 29/KH-ĐGS ngày 07 tháng 7 năm 2026⁴ của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân xã Đắk Ui.

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 493/BC-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026⁵ và Báo cáo số 623/BC-UBND ngày 16/9/2026⁶ của Ủy ban nhân dân xã⁷; kết quả giám sát, làm việc với Ủy ban nhân dân xã; khảo sát, nắm bắt tình hình thực tế tại 04 cơ quan, đơn vị⁸ và 07/07 thôn trên địa bàn xã, Đoàn giám sát nhận xét, đánh giá như sau:

I. VIỆC CHẤP HÀNH NGHỊ QUYẾT, KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

1. Đối với cơ quan, đơn vị, thôn chịu sự giám sát: Ủy ban nhân dân xã cơ bản thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch giám sát; xây dựng, gửi báo cáo phục vụ hoạt động giám sát đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã để chuyển Đoàn giám sát. Các cơ quan, đơn vị, thôn có liên quan chủ động phối hợp, bố trí địa điểm làm việc; thông báo, mời thành phần tham dự theo yêu cầu; tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn giám sát khảo sát, nắm bắt tình hình thực tế; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan phục vụ hoạt động giám sát.

2. Đối với thành viên Đoàn giám sát: Thành viên Đoàn giám sát thực hiện nghiêm túc sự phân công của Trưởng Đoàn; tập trung nghiên cứu báo cáo, tài liệu, hồ sơ, nắm bắt thông tin, nội dung liên quan và tham gia đầy đủ các hoạt động theo kế hoạch. Phương pháp làm việc khoa học, phù hợp, bảo đảm tiến độ và yêu cầu đề ra. Việc tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả giám sát được thực hiện đúng quy trình, khách quan, trung thực, phản ánh sát tình hình thực tế.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đặc điểm tình hình và công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

¹ Phạm vi giám sát: Từ năm 2024 đến tháng 9 năm 2026.

² Về Chương trình giám sát năm 2026 của HĐND xã Đắk Ui.

³ Về thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

⁴ Về giám sát việc thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

⁵ Về kết quả triển khai, thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

⁶ Về tiếp thu, giải trình Báo cáo giám sát việc thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

⁷ Về kết quả triển khai, thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

⁸ Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã.

Trên địa bàn xã Đắk Ui có tổng diện tích tự nhiên 13.247,16 ha, trong đó đất nông nghiệp **11.773,35** ha, chiếm **88,87%**, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, thôn triển khai công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; chú trọng quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, phát triển sản xuất, khuyến nông, thủy lợi, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Các chủ trương, chính sách được cụ thể hóa bằng kế hoạch, công văn chỉ đạo gắn với tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện, từng bước thúc đẩy ứng dụng khoa học - kỹ thuật, liên kết sản xuất, tiêu thụ và nhân rộng các mô hình hiệu quả. Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện được triển khai tương đối đồng bộ, có trọng tâm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khai thác tiềm năng, lợi thế và thúc đẩy phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

2. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp

Qua giám sát cho thấy, sản xuất nông nghiệp cơ bản ổn định, quy mô sản xuất được duy trì, từng bước chuyển đổi cơ cấu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, góp phần bảo đảm sinh kế và ổn định đời sống Nhân dân. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã⁹, tổng diện tích gieo trồng cộng dồn đạt **14.187,39** ha¹⁰; diện tích chuyển đổi cây trồng¹¹ đạt **215,36** ha¹². Việc sử dụng giống mới, giống xác nhận, giống lai có khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn đạt trên **80%**¹³; công tác phòng, trừ sâu bệnh được quan tâm, trong tổng số 35,1 ha diện tích bị sâu bệnh đã khắc phục **28,81** ha, đạt **82,1%**¹⁴. Phát triển sản xuất và khuyến nông từng bước gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đa dạng hóa mô hình, đã triển khai **08** mô hình với **25** lượt hộ tham gia¹⁵.

Chăn nuôi được duy trì, gắn với phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng. Tổng số đàn vật nuôi trong kỳ đạt **301.999** con¹⁶ (*trâu 2.531 con*¹⁷; *bò 4.349 con*¹⁸; *lợn 11.148 con*¹⁹; *gia cầm 280.261 con*²⁰; *dê 1.635 con*²¹ và *vật nuôi khác 2.075 con*²²). Thực hiện **18.758** liều tiêm phòng²³; các ổ dịch phát sinh được phát hiện, xử lý và triển khai các biện pháp phòng, chống theo quy định. Hệ thống

⁹ Số liệu tính đến ngày 30/6/2026.

¹⁰ Năm 2024: **4.215,70** ha; năm 2025: **5.218,39** ha (*tăng khoảng 23,8% so với năm 2024*); năm 2026: **4.753,3** ha.

¹¹ Thực hiện chuyển đổi diện tích trồng cây cao su, cây mì, cây bời lồi,... sang trồng cà phê (*đối với những diện tích phù hợp và bảo đảm nguồn nước tưới*).

¹² Năm 2024: **140,70** ha, năm 2025: **30,80** ha, năm 2026: **43,86** ha.

¹³ Giống ST 25, Đài Thơm, Hương Thơm 6...

¹⁴ Năm 2024 sâu bệnh 14,20 ha, khắc phục **11,08** ha, đạt 78,0%; năm 2025 sâu bệnh 12,90 ha, khắc phục **9,82** ha, đạt 76,1%; năm 2026 sâu bệnh 8,00 ha, khắc phục **7,91** ha, đạt 98,9%.

¹⁵ Năm 2024: **01** mô hình/**13** hộ; năm 2025: **02** mô hình/**07** hộ; năm 2026: **05** mô hình/**05** hộ.

¹⁶ Năm 2024: **103.934** con, năm 2025: **114.772** con, năm 2026: **83.293** con.

¹⁷ Năm 2024: **812** con; năm 2025: **822** con; năm 2026: **897** con.

¹⁸ Năm 2024: **1.349** con; năm 2025: **1.398** con; năm 2026: **1.602** con.

¹⁹ Năm 2024: **4.611** con; năm 2025: **2.037** con; năm 2026: **4.500** con.

²⁰ Năm 2024: **96.367** con; năm 2025: **108.620** con; năm 2026: **75.274** con.

²¹ Năm 2024: **502** con; năm 2025: **715** con; năm 2026: **418** con.

²² Năm 2024: **293** con; năm 2025: **1.180** con; năm 2026: **602** con.

²³ Năm 2024: **6.658** liều; năm 2025: **7.250** liều; năm 2026: **4.850** liều.

thủy lợi được duy trì với **15** công trình²⁴, chủ yếu phục vụ tưới cho sản xuất lúa và cà phê; việc điều tiết, phân phối nguồn nước được thực hiện phù hợp, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất. Hoạt động quản lý, bảo vệ rừng được quan tâm thực hiện, tổng diện tích đất lâm nghiệp là **8.751,47 ha**, gồm **5.441,27 ha** đất có rừng²⁵ và **3.310,20 ha** đất chưa có rừng²⁶. Diện tích rừng được giao khoán, bảo vệ **3.420,71 ha**²⁷; tỷ lệ che phủ rừng đạt **43,94%**²⁸. Đã tổ chức **55** đợt tuần tra, kiểm tra, truy quét²⁹ để chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc vi phạm trên địa bàn. Việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính được thực hiện với **984** hồ sơ³⁰.

Nhìn chung, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp đã được triển khai trên các lĩnh vực chủ yếu, gắn với thực tiễn sản xuất và điều kiện của địa phương; từng bước kết hợp giữa quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực đất đai, rừng, nước với phát triển sản xuất và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, góp phần duy trì ổn định sản xuất, bảo đảm sinh kế, đời sống Nhân dân và tạo cơ sở cho phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

3. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng. Đã tổ chức **09** đợt tuyên truyền với **407** lượt người tham gia³¹; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, giữ gìn vệ sinh, cảnh quan và trồng **11.913** cây xanh phân tán³², qua đó từng bước nâng cao ý thức, trách nhiệm của Nhân dân trong bảo vệ môi trường. Hoạt động quản lý, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng quản lý đất đai, phục vụ công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn. Trong kỳ, đã cập nhật, chỉnh lý **984** hồ sơ địa chính³³.

Việc thu gom, quản lý chất thải sinh hoạt được duy trì, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý và xử lý chất thải trên địa bàn. Tổng khối lượng chất thải được thu gom đạt **2.051,6 tấn**³⁴; đồng thời, đã cấp **69** thùng chứa rác³⁵ cho các cơ quan, đơn vị và các thôn, góp phần tăng cường điều kiện thu gom, tập kết rác thải. Đối với chai, lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đã phối hợp³⁶ bố trí **12** bể chứa trên địa bàn, từng bước hạn chế tình trạng chất thải phát sinh từ sản xuất nông nghiệp bị thải bỏ không đúng quy định.

²⁴ **07** công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Kon Tum quản lý, **08** công trình do UBND xã quản lý.

²⁵ Rừng tự nhiên **5.367,06 ha**, rừng trồng đã thành rừng **74,21 ha**.

²⁶ Trong đó, có **685,75 ha** diện tích đã trồng nhưng chưa thành rừng.

²⁷ Giao cho cá nhân, hộ gia đình **2.592,69 ha/276** hộ; giao cho cộng đồng dân cư **828,02 ha/08** thôn.

²⁸ Số liệu tính đến năm 2025.

²⁹ Với **462** người tham gia.

³⁰ Năm 2024: **602** hồ sơ; năm 2025: **258** hồ sơ; năm 2026: **124** hồ sơ.

³¹ Năm 2024: **04** hội nghị/**182** lượt người; năm 2025: **03** hội nghị/**115** lượt người; năm 2026: **02** hội nghị/**110** lượt người.

³² Năm 2024: **3.779** cây; năm 2025: **7.400** cây; năm 2026: **734** cây.

³³ Năm 2024: **602** hồ sơ; năm 2025: **258** hồ sơ; năm 2026: **124** hồ sơ.

³⁴ Năm 2024: **800** tấn; năm 2025: **812** tấn; năm 2026: **439,6** tấn.

³⁵ Năm 2026.

³⁶ Phối hợp với Hội Nông dân xã.

Quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi và tổ chức, cá nhân; quản lý, bảo vệ nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất theo quy định. Qua theo dõi, nắm tình hình, chưa ghi nhận trường hợp vi phạm về khai thác trái phép cát, sỏi, bùn, đất và khoáng sản khác tại các khu vực sông, suối, kênh, mương, hồ và hành lang bảo vệ nguồn nước.

4. Các nội dung khác

4.1 Về cải cách hành chính, chuyển đổi số và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị: Thực hiện niêm yết công khai **28** thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; tiếp nhận, xử lý **49** hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó đã giải quyết **45** hồ sơ, còn **04** hồ sơ đang giải quyết. Việc số hóa hồ sơ được thực hiện đầy đủ, đạt **100%**, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Đối với phản ánh, kiến nghị của công dân, đã tiếp nhận **09 đơn**, trong đó **08** đơn đã được giải quyết, **01** đơn tổ chức hòa giải nhưng không thành (*đã hướng dẫn công dân thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định*)³⁷.

4.2. Về kinh phí: Tổng kinh phí được bố trí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường là **967.435.764** đồng³⁸, toàn bộ từ ngân sách nhà nước. Trong đó, kinh phí thực hiện các chương trình khuyến nông là **562.435.764** đồng và kinh phí bảo vệ môi trường là **405.000.000** đồng. Đến thời điểm báo cáo, đã thực hiện **358.669.494** đồng, đạt **37,08%** tổng kinh phí đã bố trí³⁹; kinh phí còn lại chưa giải ngân là **608.766.270** đồng, chiếm **62,92%** tổng kinh phí được bố trí (*trong đó, nguồn khuyến nông còn 562.435.764 đồng, chiếm 100%; nguồn bảo vệ môi trường còn 46.330.506 đồng, chiếm 11,44%*). Việc bố trí và sử dụng kinh phí cơ bản bám sát nhiệm vụ được giao, ưu tiên cho phát triển sản xuất, khuyến nông và các hoạt động bảo vệ môi trường, qua đó tạo nguồn lực phục vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Hệ thống công trình thủy lợi, kênh mương tại một số khu vực đã xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu tưới tiêu, nhất là vào mùa khô; việc gia cố công trình hư hỏng còn mang tính tạm thời⁴⁰, việc sửa chữa, nâng cấp đồng bộ, lâu dài chưa được thực hiện, nguồn nước phục vụ sản xuất thiếu ổn định⁴¹.

- Số lượng vùng trồng được xây dựng, cấp mã số còn ít⁴². Công tác chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn xã

³⁷ Tranh chấp đất đai giữa 02 hộ ông Nguyễn Văn Bùng và hộ ông Nguyễn Duy Tam thôn Đăk Bình (năm 2024).

³⁸ Năm 2026: **967.435.764** đồng.

³⁹ Trong đó, kinh phí bảo vệ môi trường là **358.669.494** đồng, đạt **88,56%**; kinh phí chương trình khuyến nông chưa thực hiện.

⁴⁰ Chủ yếu bằng rọ đá, đá học...

⁴¹ Hệ thống kênh mương thủy lợi thôn Đăk Blang (thôn 7 (cũ)); tuyến kênh mương Đăk Ui, đoạn qua suối Đăk Xe; đập Đăk Mak (đập trong)...

⁴² Hiện mới có 01 mã số vùng trồng tại Tổ hợp tác cà phê Nguyễn Thị Cúc (thôn Đăk Lợi).

chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế⁴³. Việc quản lý, kiểm soát vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa được thực hiện. Dịch bệnh trên đàn vật nuôi vẫn còn phát sinh tại một số hộ chăn nuôi⁴⁴.

- Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn xã chưa được quy hoạch và thực hiện; mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025 – 2030 và năm 2026 chậm triển khai thực hiện. Khả năng tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các mô hình sản xuất mới trong Nhân dân chưa đồng đều; một số hộ gia đình chưa mạnh dạn đầu tư, đổi mới phương thức sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Một số mô hình khuyến nông triển khai đem lại hiệu quả chưa cao, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, khả năng tiêu thụ sản phẩm chưa cao, chi phí đầu tư lớn, dịch bệnh còn xảy ra, đầu ra chưa ổn định và chưa được nhân rộng trên địa bàn⁴⁵.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng tại một số diện tích được giao khoán đối với cá nhân, cộng đồng dân cư chưa hiệu quả, vẫn còn xảy ra tình trạng lấn chiếm đất rừng để sản xuất. Công cụ, dụng cụ phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chưa đáp ứng được tình hình thực tế khi xảy ra cháy rừng.

- Hoạt động kiểm tra, hướng dẫn và xử lý các vấn đề về môi trường chưa thực hiện⁴⁶; việc thu gom, xử lý chất thải và kiểm soát các nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm tại một số khu vực chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, vẫn còn phát sinh phản ánh, kiến nghị của người dân⁴⁷.

- Chưa quy hoạch, bố trí quỹ đất, địa điểm phù hợp và chưa tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã.

- Tiến độ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai chưa bảo đảm; việc theo dõi, phối hợp xử lý chưa kịp thời, vẫn còn 04 hồ sơ giải quyết quá thời hạn, chiếm 8,16% (năm 2025: 02 hồ sơ⁴⁸; năm 2026: 02 hồ sơ⁴⁹).

⁴³ Thường trực Đảng ủy xã giao hoàn thành trong tháng 01 năm 2026 (*Thông báo số 13-TB/VPĐU ngày 30/01/2026 của Văn phòng Đảng ủy xã về kết luận của Thường trực Đảng ủy tại giao ban tuần 02 năm 2026*). Tuy nhiên, đến tháng 6 năm 2026 UBND xã mới hoàn thành (*Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 03/6/2026 của UBND xã về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao*).

⁴⁴ Năm 2025 xảy ra dịch tả lợn châu Phi trên đàn heo; năm 2026 xảy ra dịch lở mồm long móng trên đàn trâu, bò và dịch tả lợn châu Phi trên đàn heo.

⁴⁵ Mô hình sản xuất lúa ST-25 việc sản xuất còn nhỏ lẻ, tiêu thụ ít nên chưa nhân rộng vùng sản xuất; mô hình gà chi phí đầu tư lớn, dịch bệnh còn xảy ra, tiêu thụ chưa ổn định, chưa được nhân rộng; mô hình nuôi lươn không bùn trong bể tiêu thụ chậm, giá thấp nên không nhân rộng.

⁴⁶ Theo báo cáo của UBND xã, từ năm 2024 đến tháng 7/2026, chưa tổ chức kiểm tra các nội dung liên quan đến môi trường.

⁴⁷ Kiến nghị của cử tri A Brôm (*thôn Đăk Prông*), Cử tri A Vôn (*thôn Đăk Blang*)...

⁴⁸ (1) Hồ sơ số H48.265-250917-0006 của ông Nguyễn Công Thu (*thôn Đăk Tin, xã Đăk Ui*): Tiếp nhận ngày 17/9/2025; hẹn trả lúc 07h19' ngày 02/12/2025; trả kết quả lúc 07h37' ngày 02/12/2025. (2) Hồ sơ số H48.265-250917-0005 của ông Nguyễn Công Hợp (*thôn Đăk Tin, xã Đăk Ui*): Tiếp nhận ngày 17/9/2025; hẹn trả lúc 07h20' ngày 02/12/2025; trả kết quả lúc 7h30 ngày 02/12/2025.

⁴⁹ (1) Hồ sơ số H48.265-260115-0005 của bà Phạm Thị Thu Thủy (*thôn Đăk Hà 3, xã Đăk Hà*): Tiếp nhận lúc 15/01/2026; hẹn trả ngày 24/06/2026; trả kết quả ngày 10/07/2026. (2) Hồ sơ số H48.265-260622-0001 của ông Phạm Thanh Hoàn (*thôn Đăk Hà 5, xã Đăk Hà*): tiếp nhận ngày 22/06/2026; Hẹn trả lúc 14h04' ngày 31/07/2026; trả kết quả lúc 14h53' ngày 31/7/2026.

- Việc cấp phát cây giống cho người dân còn chậm so với thời vụ trồng⁵⁰. Công tác giải ngân kinh phí còn chậm, đến thời điểm báo cáo, tổng các nguồn kinh phí chưa giải ngân còn 608.766.270 đồng, chiếm 62,92% tổng kinh phí được bố trí (*trong đó, nguồn kinh phí khuyến nông 562.435.764 đồng, chiếm 100%; kinh phí bảo vệ môi trường 46.330.506 đồng, chiếm 11,44%*).

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách, tham mưu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ; một số lĩnh vực như thú y, bảo vệ thực vật, thủy sản, môi trường,... chưa có nhân sự đáp ứng yêu cầu về chuyên môn.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan: (1) Sau khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở nhiều lĩnh vực được phân cấp, phân quyền về xã; hệ thống văn bản quy định có nhiều thay đổi, một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nên việc tổ chức thực hiện, khai thác thông tin và phối hợp xử lý một số nhiệm vụ còn gặp khó khăn. (2) Một số nội dung thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường vượt thẩm quyền, điều kiện và phương tiện của xã, nhất là việc kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp; việc xử lý chất thải nguy hại có tính chất đặc thù. (3) Địa bàn xã có diện tích rừng lớn, ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. (4) Nguồn kinh phí của xã chưa bảo đảm để thực hiện duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp các công trình nhỏ, đã xuống cấp.

2.2. Nguyên nhân chủ quan: (1) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu, phụ trách lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tuy bảo đảm số lượng biên chế được giao, nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về cơ cấu, chuyên môn theo Đề án vị trí việc làm; một số vị trí phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, dẫn đến công tác hướng dẫn, kiểm tra và xử lý công việc có thời điểm chưa kịp thời. (2) Tập quán, thói quen canh tác, sản xuất truyền thống của một bộ phận người dân vẫn còn, ảnh hưởng đến việc đổi mới phương thức sản xuất, bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng. (3) Việc theo dõi, phối hợp, đôn đốc xử lý hồ sơ và khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

IV. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả giám sát, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân, Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân xã kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đối với Hội đồng nhân dân xã: Xem xét, cho ý kiến đối với Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã Đăk Ui, làm cơ sở để chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

2. Ủy ban nhân dân xã

⁵⁰ Đối chiếu danh sách nhận cây giống cho thấy, việc cấp phát các loại cây giống cho người dân được thực hiện hầu hết trong ngày 27 và 28/9/2026.

(1) Xây dựng kế hoạch, có giải pháp khắc phục những hạn chế được Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân xã nêu tại **Mục 1, Phần III** của Báo cáo giám sát, đồng thời triển khai thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Đoàn giám sát.

(2) Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích sản xuất kém hiệu quả, đất lúa thường xuyên thiếu nước, cây hằng năm và cây lâu năm hiệu quả thấp; lựa chọn cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, nguồn nước, thổ nhưỡng và thị trường tiêu thụ, bảo đảm chuyển đổi đúng đối tượng, phù hợp với điều kiện thực tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và sản xuất; kịp thời có giải pháp đối với những diện tích chưa chuyển đổi.

(3) Rà soát các vùng sản xuất có đủ điều kiện, hướng dẫn người dân, tổ hợp tác, hợp tác xã xây dựng, đăng ký mã số vùng trồng, phục vụ quản lý, truy xuất nguồn gốc và nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nguồn gốc, chất lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư nông nghiệp lưu thông trên địa bàn xã.

(4) Tập trung theo dõi, phát hiện và chủ động phòng, chống sâu bệnh trên cây trồng; bảo đảm 100% diện tích bị ảnh hưởng được xử lý kịp thời, dứt điểm, không để phát sinh, lây lan kéo dài. Đồng thời, rà soát, đánh giá hiệu quả thực tế và khả năng nhân rộng của toàn bộ các mô hình khuyến nông đang triển khai trên địa bàn xã; kịp thời điều chỉnh cách thức thực hiện đối với những mô hình hiệu quả thấp; thường xuyên hỗ trợ kỹ thuật, kết nối đầu ra, nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tế, có hiệu quả.

(5) Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi; hạn chế nguy cơ dịch bệnh phát sinh, tái phát, lây lan và thiệt hại trong chăn nuôi.

(6) Kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ hiện trạng hệ thống thủy lợi, kênh mương, đập trên địa bàn xã; xác định công trình xuống cấp, hư hỏng, chưa đáp ứng yêu cầu tưới tiêu và phân loại theo thẩm quyền quản lý. Đối với công trình thuộc thẩm quyền của xã, xây dựng phương án sửa chữa, nâng cấp và đề xuất Hội đồng nhân dân xã xem xét, bố trí kinh phí theo khả năng ngân sách; đối với công trình không thuộc thẩm quyền của xã, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, nhất là các công trình có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sản xuất trong mùa khô.

(7) Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có. Huy động hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư được giao khoán tham gia bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm đất lâm nghiệp, phá rừng, gây cháy rừng, gây bảo vệ rừng với phát triển sinh kế, phát huy giá trị và sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

(8) Tập trung giải quyết hiệu quả những bất cập, vướng mắc về môi trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh; chú trọng công tác kiểm tra việc khắc

phục sau xử lý. Phát huy vai trò của Nhân dân và khu dân cư trong việc tự quản, giữ gìn vệ sinh chung; gắn bảo vệ môi trường với xây dựng cảnh quan nông thôn, nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ môi trường.

(9) Quy hoạch và có giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định; xây dựng kế hoạch, lộ trình thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

(10) Phát huy kết quả đạt được trong công tác chuyển đổi số; tiếp tục thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng quy định, không để xảy ra tình trạng quá hạn, trễ hẹn.

(11) Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn người dân chăm sóc diện tích đã được hỗ trợ, bảo đảm cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ cây sống cao; quản lý, sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí khuyến nông đã được bố trí đúng quy định.

(12) Quản lý, sử dụng chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; chủ động lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương, bảo đảm đúng mục đích, kịp thời, hiệu quả.

(13) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao. Chủ động phối hợp, tranh thủ hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn của các cơ quan có thẩm quyền và đơn vị liên quan đối với những lĩnh vực còn thiếu nhân lực, hạn chế về nghiệp vụ; kịp thời trao đổi, xin ý kiến đối với nội dung phức tạp, vượt thẩm quyền, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đúng quy định, chất lượng, tiến độ.

Trên đây là báo cáo của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân xã về kết quả giám sát việc thực hiện một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã Đắk Ui./.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy xã (b/c);
- Trình HĐND xã;
- Ủy viên TT HĐND xã;
- TV Đoàn giám sát;
- Đại biểu HĐND xã;
- UBND xã;
- Ban TT UBMTTQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Phòng Kinh tế, Phòng VH-XH, TT PVHCC, TT CU'DVC xã;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
Lê Thị Hải**